

Bản án số: **40/2020/KDTM-PT**  
Ngày: 12/05/2020  
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Thành  
*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh  
*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.  
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*  
Ông Trần Văn Lùng -Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 137/2019/KTPT ngày 24/12/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXX-PT ngày 28/2/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐ-HPT ngày 12/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 191/2020/TB-TA ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giữa:

\* *Nguyên* Ngân hàng T

*đơn:* (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của VAMC ).

Trụ sở: số 89 phố L, phường L1, quận Đ , thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Hoàng Đình H, ông Đỗ Thanh B, bà Trịnh Thị T, chức vụ: cán bộ xử lý nợ; có địa chỉ liên hệ tại: Tầng 2B, Tòa nhà R6, Khu đô thị R, số 72 N, quận T, thành phố Hà Nội.

Bà T có mặt, ông H và ông B vắng mặt.

\* *Bị đơn:* Công ty cổ phần Xe máy V

Trụ sở: số 19B, phố T, phường T1, quận H , thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Thành V, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Lưu Anh T ; có địa chỉ tại: Số 25, ngõ 21/59 L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Ông T vắng mặt.

\* *Người có* 1. Ông Cù Việt T , sinh năm 1961;

quyền lợi  
nghĩa vụ  
liên quan:

2. Bà Ngô Thu H , sinh năm 1981;  
3. Cháu Cù Minh H1, sinh năm 2014 (là con của ông T, bà H );  
Cùng trú tại: số 16, ngõ 18 phố H , phường P , quận H, thành phố Hà Nội.  
Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H : Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1986; có địa chỉ tại: số 11, ngõ 178 Q , phường N , quận T , thành phố Hà Nội.  
4. Ông Trần L , sinh năm 1941;  
5. Bà Trần Thị A , sinh năm 1942;  
Cùng trú tại: căn hộ 506 - nhà Đ, phường Đ, quận H , thành phố Hà Nội.  
Đại diện theo ủy quyền của ông L , bà A : Bà Lưu Thị Việt N , sinh năm 1976; có địa chỉ tại: số 101A.C20, phường T, quận T1, thành phố Hà Nội.  
6. Bà Ngô Kim T , sinh năm 1973; có địa chỉ tại: số 102 N, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).  
7. Chị Cù Mỹ L, sinh năm 1994; có địa chỉ tại: số 16, ngõ 18 phố H , phường P , quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Việt N , sinh năm 1976; có địa chỉ tại: số 101A.C20, phường T, quận T1, thành phố Hà Nội.  
Bà H, bà N có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:**

#### 1. Đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 070714-832912-01-SME ngày 23/07/2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 15/08/2014, Công ty cổ phần Xe máy V (sau đây gọi tắt là Công ty V ) vay vốn tại Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng/VPB ) với tổng số tiền hạn mức được cấp là 13.000.000.000 đồng (Mười ba tỷ đồng), cụ thể theo các Khế ước nhận nợ sau:

Stt	Khế ước nhận nợ	Số tiền nhận nợ (triệu đồng)	Thời hạn	Lãi suất	Lãi suất quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Thời hạn trả nợ
1	230914-832912-01-SME ngày 23/09/2014	610	05 tháng	9,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/10/2014
2	180814-832912-01-SME ngày 18/08/2014	1.650	05 tháng	5,65%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/09/2014
3	141114-832912-01-SME ngày 14/11/2014	808	05 tháng	9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ	Bằng 150% lãi suất	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng

				2,55%/năm.	trong hạn	lãi chậm trả và số ngày chậm trả	tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/12/2014
4	290914-832912-01-SME ngày 29/09/2014	540	05 tháng	9,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/10/2014
5	301014-832912-01-SME ngày 30/10/2014	595	05 tháng	9,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/11/2014
6	111114-832912-01-SME ngày 11/11/2014	875	05 tháng	9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/12/2014
7	040814-832912-01-SME ngày 04/08/2014	800	05 tháng	9,55%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 08 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 08/09/2014
8	280714-832912-01-SME ngày 28/07/2014	1.382	05 tháng	9,55%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 08 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 08/09/2014
9	310714-832912-01-SME ngày 31/07/2014	1.200	05 tháng	9,55%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/08/2014
10	050814-832912-01-SME ngày 05/08/2014	1.050	05 tháng	9,55%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 08 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 08/09/2014
11	080814-832912-01-SME ngày 08/08/2014	650	05 tháng	9,55%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/09/2014
12	191114-832912-01-SME ngày 19/11/2014	980	05 tháng	9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/12/2014
13	230714-832912-01-SME ngày 23/07/2014	2.195,63 2	05 tháng	9,55%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần theo biên độ 2,55%/năm.	Bằng 150% lãi suất trong hạn	Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả	Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi vào ngày 24 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 24/08/2014
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.335.000.000 đồng</b>					

Tài sản bảo đảm cho khoản vay (bao gồm 03 tài sản):

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 611479 do UBND quận H cấp ngày 13/12/2005, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1380/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2182/2014 ngày 18/07/2014.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28/1F, tờ bản đồ số I.2 lập 1956, địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5895-NĐ do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1381/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2183/2014 ngày 18/07/2014.

3. Căn hộ chung cư địa chỉ: số 506 - nhà ĐN, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123290941 do UBND quận H cấp ngày 01/12/2004, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Trần L và bà Trần Thị A, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2628/2014 ngày 12/08/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPB nên khoản nợ bị chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức, các phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo.

Ngày 25/09/2015, VPB đã bán Khoản Nợ của Công ty V cho VAMC theo Hợp đồng mua, bán nợ số 20293/2015/MBN.VAMC2-VPB. Theo Hợp đồng mua bán nợ này, VPB đã chuyển quyền chủ nợ của Khoản nợ Công ty V cho VAMC. Bên cạnh đó, ngày 25/09/2015 VAMC đã ký hợp đồng ủy quyền cho VPB số 20294/2015/UQ.VAMC2-VPB, theo đó VPB được thay mặt bên VAMC thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của bên VAMC liên quan đến khách hàng và khoản nợ.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị:

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải thanh toán cho VAMC toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ nêu trên.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi, phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức, và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày Công ty V thực tế thanh toán hết nợ cho VAMC.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án VAMC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ cho VAMC

2. Bị đơn là Công ty CP xe máy V do ông Lưu Anh T đại diện theo uỷ quyền trình bày:

- Công ty V xác nhận có vay tiền của VPB, sau khi nhận tiền vay Công ty gặp nhiều khó khăn nên đã chậm thanh toán và không có khả năng trả nợ cho VPB.

- Đối với việc thế chấp và giải quyết tài sản thế chấp Công ty V không có ý kiến gì

- Công ty V hiện nay đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh, thực tế công ty không

còn hoạt động. Nên tư cách pháp nhân không còn, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1, điều 157 Luật doanh nghiệp 2014 và điểm b, khoản 1, điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ vụ án.

### *3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H do Bà Nguyễn Thu H1 đại diện theo uỷ quyền trình bày: xác nhận ông T, bà H có ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay của Công ty V bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 611479 do UBND quận H cấp ngày 13/12/2005, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1380/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2182/2014 ngày 18/07/2014 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28/1F, tờ bản đồ số I.2 lập 1956, địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5895-NĐ do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1381/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2183/2014 ngày 18/07/2014.

Tuy nhiên quan điểm của chúng tôi là chỉ ký thế chấp quyền sử dụng đất còn tài sản trên đất chúng tôi không đồng ý. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện có thể đang có chồng lấn một phần diện tích sang Công ty C và ngôi nhà trên đất này có một phần đóng góp của con gái anh Cù Việt T là cháu Cù Mỹ L, nguồn tiền là do vợ cũ cho con gái.

Đề nghị Ngân hàng xác định rõ phạm vi nghĩa vụ tài sản bảo đảm của ông T và bà H đối với khoản vay của Công ty V.

Đề nghị Ngân hàng xem xét phần miễn giảm lãi vì ông T và bà H không được sử dụng toàn bộ số tiền vay.

Hiện nay chúng tôi được biết Công ty V đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Chúng tôi đã tìm được Công văn của Bộ kế hoạch và đầu tư về việc quy định Công ty bị thu hồi giấy phép coi như là giải thể. Đề nghị tạm đình chỉ chờ công ty giải thể.

3.2. Ông Trần L và bà Trần Thị A do Bà Lưu Thị Việt N đại diện theo uỷ quyền trình bày: xác nhận ông L, bà A có thế chấp để đảm bảo khoản vay của Công ty V bằng Căn hộ chung cư địa chỉ: số 506 - nhà ĐN, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123290941 do UBND quận H cấp ngày 01/12/2004, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Trần L và bà Trần Thị A, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2628/2014 ngày 12/08/2014. Tuy nhiên, Công ty V là chủ thể vay và sử dụng tiền, khi giải ngân tiền ông bà Lộc, An không biết nên trách nhiệm trả nợ Ngân hàng thuộc Công ty V.

Đề nghị Ngân hàng xác định rõ phạm vi nghĩa vụ tài sản bảo đảm của ông L và bà A đối với khoản vay của Công ty V.

Chúng tôi đề nghị phía nguyên đơn xem xét miễn toàn bộ tiền lãi cho ông L, bà A và được trả dần phần nợ gốc cho ngân hàng.

3.3. Chị Cù Mỹ L do Bà Lưu Thị Việt N đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ông T và bà T ly hôn năm 1999, cháu L do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo chỗ ăn ở cho cháu L bà T đã chuyển cho ông T 3.500.000.000 đồng để góp tiền xây nhà 16 H . Năm 2012, ông T và bà T thỏa thuận: Ngôi nhà 16 H có phần đóng góp của cháu Cù Mỹ L . Khi ông T, bà H bán nhà thì cắt 20m2 đất cho cháu L. Ngoài ra, phần đất đang sử dụng lớn hơn hai sổ đỏ khoảng 10 m2 thì đồng ý cho cháu L.

Đề nghị xem xét thỏa thuận giữa ông T với bà T nêu trên để đảm bảo quyền lợi cho cháu L.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho tới thời điểm khách hàng thực tế thanh toán hết khoản nợ tại VPB, tạm tính đến ngày 11/4/2019 số tiền ngày là 2.186.086.682 đồng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện khác. Dư nợ của Công ty V tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/4/2019) như sau: nợ gốc là 12.976.838.055 đồng; nợ lãi là 7.466.708.274 đồng; tổng cộng là 20.433.546.329 đồng.

VPB xin tách nghĩa vụ trả nợ tương ứng với từng tài sản thế chấp trên cơ sở tỷ lệ bảo đảm của từng tài sản sẽ xác định giá trị nghĩa vụ nợ gốc và lãi phát sinh trên dư nợ gốc tạm tính đến ngày 11/4/2019 như sau:

Tài sản	Tỷ lệ	Nghĩa vụ gốc (VNĐ)	Nghĩa vụ lãi (VNĐ)	Tổng nghĩa vụ (VNĐ)
Tài sản 1 + 2	87%	11.289.849.108	6.496.036.198	17.785.885.306
Tài sản 3	13%	1.686.988.947	970.672.076	2.657.661.023
Tổng	100%	12.976.838,055	7.466.708.274	20.433.546.329

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2019/KDTM-ST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xử:*

**I.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VAMC về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty cổ phần Xe máy V .

**II.** Buộc Công ty cổ phần Xe máy V phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn cho VAMC theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 070714-832912-01-SME ngày 23/07/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng, bản khế ước nhận nợ tính đến ngày 11/4/2019 là: 20.433.546.329 đồng, bao gồm:

Nợ gốc: 12.976.838.055 đồng

Nợ lãi: 7.466.708.274 đồng

Công ty cổ phần Xe máy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, trong các Phụ lục Hợp đồng, các khế ước nhận nợ và các quy định của pháp luật.

**III.** Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần Xe máy V không trả được số nợ nói trên thì VAMC có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD

611479 do UBND quận H cấp ngày 13/12/2005 đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 20/7/2006, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1380/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2182/2014 ngày 18/07/2014.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28/1F, tờ bản đồ số I.2 lập 1956, địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất số hồ sơ gốc 5895-NĐ do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999, đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 11/7/2006, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1381/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2183/2014 ngày 18/07/2014.

Hai tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ nợ gốc 11.289.849.108 đồng và 87 % nghĩa vụ nợ lãi, trong đó tính đến 11/4/2019 là 6.496.036.198 đồng.

- Căn hộ chung cư địa chỉ: số 506 - nhà ĐN, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123290941 do UBND quận H cấp ngày 01/12/2004, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị H , đã đăng ký sang tên cho ông Trần L và bà Trần Thị A ngày 21/11/2008, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2628/2014 ngày 12/08/2014. Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ nợ gốc 1.686.988.947 đồng và 13 % nghĩa vụ nợ lãi, trong đó tính đến 11/4/2019 là 970.672.076 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Cù Việt T và Chị Cù Mỹ L kháng cáo.

- Bị đơn là Công ty cổ phần Xe máy V do anh Lưu Tuấn A đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ tiền lãi của ngân hàng VPB đưa ra là vi phạm các quy định của pháp luật về cách tính tiền lãi, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Ông Cù Việt T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm đã bỏ qua các chứng cứ có trong vụ án, không xem xét giải quyết vụ việc một cách khách quan, triệt để đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Chị Cù Mỹ L do Bà Lưu Thị Việt N đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không xem xét giải quyết vụ việc một cách khách quan, điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

*Tại Tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn bổ sung tài liệu là Hợp đồng mua bán nợ số 446A/2019/BN.VAMC1-VPB ngày 28/3/2019; văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của VPB ; văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số

899/2020/UQ-VPB ngày 03/3/2020. Theo Hợp đồng mua bán nợ này, VAMC đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ Công ty V lại cho VPB, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại VPB là nguyên đơn trong vụ án.

Các đương sự khác không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

- Bị đơn là Công ty cổ phần Xe máy V do ông Lưu Anh T đại diện theo uỷ quyền vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do Bà Nguyễn Thu H1 và Bà Lưu Thị Việt N đại diện theo uỷ quyền xin rút yêu cầu kháng cáo của ông T và chị L.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa án sơ thẩm về lỗi phải trả và về xử lý tài sản bảo đảm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1]. Về tố tụng:*

- Đơn kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông T) trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty cổ phần Xe máy V, có trụ sở tại: số 19B, phố T, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Theo hợp đồng mua bán nợ giữa VAMC (Gọi tắt là VAMC) với Ngân hàng/VPB thì VAMC mua lại toàn bộ khoản nợ của Công ty CP xe máy Vĩnh Phát. Vì vậy, VAMC có quyền khởi kiện Công ty V đến Tòa án để yêu cầu Công ty V phải trả các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án VPB và VAMC ký hợp đồng mua bán nợ, theo đó VPB bán khoản nợ của Công ty V cho VAMC, sau đó VAMC khởi kiện đòi nợ Công ty V và uỷ quyền cho VPB tham gia tố tụng. Ngày 28/3/2019, VAMC đã bán lại toàn bộ khoản nợ của Công ty V cho VPB theo Hợp đồng mua bán nợ số 446A/2019/BN.VAMC1-VPB. Theo Hợp đồng mua bán nợ này, VAMC đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ Công ty V lại cho VPB.

Căn cứ khoản 4 Điều 74 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 7 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 thì sau khi mua lại khoản nợ, VPB là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của VAMC. Căn cứ theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015 thì VPB trở thành chủ sở hữu khoản nợ của Công ty V và có quyền yêu cầu Công ty V thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, VPB có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án xét xử vắng mặt. Trước đó, bị đơn có kháng cáo nhưng lại không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm



nên bị coi là từ bỏ kháng cáo.

Cũng tại phiên toà hôm nay thì Bà Nguyễn Thu H1 đại diện theo uỷ quyền của ông T và bà H có đơn xin rút đơn kháng cáo; Bà Lưu Thị Việt N đại diện theo uỷ quyền của ông L, bà A và chị L có đơn rút kháng cáo của chị L.

Xem xét giấy uỷ quyền của ông T, bà H cho Bà H cũng như giấy uỷ quyền của ông L, bà A và chị L cho bà N thì không có nội dung uỷ quyền kháng cáo cũng như rút kháng cáo do vậy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của Bà H đại diện cho ông T, bà H cũng như đơn kháng cáo của bà N đại diện cho chị L và cho nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng. Tuy nhiên, trong vụ án này ông T trực tiếp kháng cáo nên HĐXX phúc thẩm vẫn xem xét giải quyết toàn diện vụ án vì ông T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Như vậy, khi Toà án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung vụ án sẽ đảm bảo quyền lợi của tất cả các người liên quan trong vụ án.

HĐXX phúc thẩm hôm nay đã giải thích và hỏi các đương sự đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu họ trả lời các câu hỏi của HĐXX tuy nhiên Bà H, bà N trước sau khẳng định do các người do bà đại diện đã có quan điểm rút kháng cáo nên không trình bày gì với HĐXX phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Kim T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

#### *[2]. Về nội dung vụ án:*

Ngày 23/07/2014 VPB và Công ty V có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 070714-832912-01-SME và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/08/2014 tổng số tiền hạn mức được cấp là 13.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước không quá 05 tháng; lãi suất: Thả nổi và áp dụng tại từng thời điểm giải ngân, điều chỉnh 01 tháng/01 lần + biên độ 2,5,5%/năm.

Xét nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng, VPB đã giải ngân cho Công ty Vĩnh Phát số tiền 13.335.000.000 đồng, theo 13 Khế ước nhận nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V mới trả cho VPB được tổng số tiền là 712.934.227 đồng, trong đó nợ gốc là 357.793.945 đồng, nợ lãi trong hạn là 355.140.282 đồng.

Do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VPB khởi kiện đòi Công ty V trả nợ gốc là lãi có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của người liên quan, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo 13 Khế ước nhận nợ tính đến ngày 11/4/2019 với số tiền nợ gốc là 12.976.838.055 đồng, nợ lãi là 7.466.708.274 đồng.

Tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 070714-832912-01-SME và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/08/2014 cũng như tại 13 Khế ước nhận nợ các bên thống nhất thỏa thuận về lãi suất có điều chỉnh theo thời điểm nhận nợ là 9,7%/năm; 5,65%/năm; 9%/năm; 9,1%/năm; 9%/năm; 9,55%/năm có điều chỉnh 01 tháng 01 lần + biên độ 2,55%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc trả vào cuối kỳ, nợ lãi tùy vào từng khế ước trả vào ngày 08, ngày 24 hàng tháng.

Nguyên đơn tính lãi suất kể từ thời điểm nhận nợ theo 13 Khế ước theo thỏa thuận và có điều chỉnh theo từng thời kỳ. Tuy nhiên, việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn (có điều chỉnh) từ 13% đến gần 15%/năm từ ngày khoản nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 7.354.033.421 đồng là quá cao và không đúng quy định vì: Ngân hàng nhà nước đã có quyết định điều chỉnh lãi suất, quy định về mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các khoản cho vay nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn: Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện phương án, dự án sản xuất - kinh doanh hàng xuất khẩu; phục vụ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có sự thay đổi trong khi đó đại diện nguyên đơn xác nhận sau khi khoản nợ chuyển sang quá hạn thì nguyên đơn không có bất kỳ quyết định hay thông báo nào của ngân hàng về việc điều chỉnh mức lãi suất theo từng thời kỳ phù hợp với lãi suất theo quy định của Nhà nước. Như vậy, Tòa án sẽ căn cứ vào các quyết định của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất để xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định. Theo quy định tại Quyết định số 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực ngành kinh tế quy định: Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 7%/năm xuống 6,5%/năm. Áp dụng mức lãi suất theo các văn bản này, qua tính toán của Tòa án cấp phúc thẩm thì bị đơn phải chịu số tiền lãi quá hạn của 13 Khế ước nhận nợ là 5.746.937.054 đồng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy mức lãi suất từ 13% đến gần 15%/năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán từ khi khoản nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là quá cao và không điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lãi quá hạn với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu mà không điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là không đúng. Do đó, HĐXX phúc thẩm thấy cần áp dụng các quyết định về điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước như đã phân tích ở trên để tính lại lãi suất quá hạn, chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi quá hạn của nguyên đơn, phần không được chấp nhận nguyên đơn sẽ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do đó, Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2019) là 18.836.449.962 đồng, trong đó:

Nợ gốc là 12.976.838.055 đồng;

Lãi trong hạn là 112.674.853 đồng;

Lãi quá hạn là 5.746.937.054 đồng.

(Giảm hơn 1,6 tỷ đồng tiền lãi quá hạn so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác này).

\* Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: Công ty V vay tiền đã dùng các tài sản sau để

thế chấp với VPB :

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 611479 do UBND quận H cấp ngày 13/12/2005 đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 20/7/2006, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1380/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2182/2014 ngày 18/07/2014.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28/1F, tờ bản đồ số I.2 lập 1956, địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất số hồ sơ gốc 5895-NĐ do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999, đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 11/7/2006, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1381/2013 ngày 24/07/2013 và Phụ lục hợp đồng số công chứng 2183/2014 ngày 18/07/2014.

- Căn hộ chung cư địa chỉ: số 506 - nhà ĐN, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123290941 do UBND quận H cấp ngày 01/12/2004, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị H , đã đăng ký sang tên cho ông Trần L và bà Trần Thị A ngày 21/11/2008, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2628/2014 ngày 12/08/2014.

Các Hợp đồng thế chấp nêu trên đều là tài sản của người thứ ba, đều được lập bằng văn bản, có chữ ký của người có tài sản, được công chứng của Văn phòng công chứng, và đều có đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, được Văn phòng Đăng ký đất đai có thẩm quyền chứng nhận và tất cả đều đảm bảo khoản vay của Công ty V với VPB nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Khi bị đơn không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo và xác định nghĩa vụ bảo đảm 87% đối với 02 tài sản của ông T, bà H ở 16 H và 13% tài sản của ông L và bà A là có căn cứ. Tuy nhiên:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 611479 do UBND quận H cấp ngày 13/12/2005 đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 20/7/2006 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28/1F, tờ bản đồ số I.2 lập 1956, địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất số hồ sơ gốc 5895-NĐ do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999, đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 11/7/2006. Do hai hợp đồng này chỉ thế chấp quyền sử dụng đất nên khi phát mại thì phát mại cả nhà và đất cùng lúc và phải trả giá trị các tài sản trên đất (các công trình xây dựng ...) cho người thế chấp.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện căn nhà 05 tầng của ông T, bà T xây dựng có một phần nằm ngoài hai diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 10m<sup>2</sup>, phần diện tích này theo cung cấp của chính quyền địa phương thì không nằm trong quy hoạch, không lấn chiếm của ai.

\* Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng Công ty V bị thu hồi Đăng ký kinh doanh thì thấy việc Công ty V bị thu hồi đăng ký kinh doanh chỉ làm chấm dứt quyền kinh doanh không đồng nghĩa việc chấm dứt tư cách pháp nhân và không phải trả nợ. Do đó quyền và nghĩa vụ pháp lý của Công ty V vẫn còn. Công ty V không trả được nợ

nên căn cứ hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thì bên nhận thế chấp có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật như bản án sơ thẩm đã phân tích.

\* Đối với ý kiến về việc xem xét quyền lợi của Chị Cù Mỹ L:

Chúng cứ để xác định quyền lợi của Chị Cù Mỹ L là 02 biên bản thỏa thuận: Biên bản thỏa thuận ngày 05/12/2006 giữa ông T và bà T về việc chị Thoa góp 3.500.000.000 xây nhà số 16 H và ông T cắt 20m2 sổ đỏ và phần diện tích nhà ngoài sổ đỏ khoảng 10m2 để đảm bảo chỗ ăn ở cho chị L ; Biên bản thỏa thuận ngày 27/5/2012 giữa ông T, bà H và chị L nội dung ông T, bà H đồng ý về việc toàn bộ tài sản là ngôi nhà thuộc phần đóng góp của cháu L (do mẹ bà Linh đã góp tiền). Ngoài ra phần diện tích đất 10 m2 ngoài sổ đỏ cũng thuộc sở hữu của chị L .

Xét đây là các tài liệu photo; biên bản thỏa thuận ngày 5/12/2006 có mâu thuẫn nội dung là ghi ngày cấp CMND của ông T là 18/10/2007 là cấp sau ngày thỏa thuận; ngoài các tài liệu này không có tài liệu nào khác để chứng minh việc bà T đóng góp tiền cho ông T xây nhà. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đứng tên bà ông T và bà H . Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của bà Ngô Kim T , Chị Cù Mỹ L là có căn cứ.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Lời đề nghị, kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

*[3]. Về án phí kinh doanh thương mại:*

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu lãi quá hạn không được chấp nhận (1.607.096.367 đồng).

- Án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông T) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Điều 30; Điều a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 36; Điều a, khoản 1, Điều 39; Khoản 4, Điều 74; Khoản 1, Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273, Điều 294, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 124, 323, 342, 343, 351, 355, 361, 365, 471, 474, 476 và 721 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2019/KDTM-ST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty cổ phần Xe máy V .

2. Buộc Công ty cổ phần Xe máy V phải trả cho Ngân hàng T theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 070714-832912-01-SME ngày 23/07/2014, Phụ lục hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2019) là 18.836.449.962 đồng, trong đó: Nợ gốc là 12.976.838.055 đồng; Lãi trong hạn là 112.674.853 đồng; Lãi quá hạn là 5.746.937.054 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2019) bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất 9,75%/năm đến ngày 17/3/2020, từ ngày 17/3/2020 chịu lãi suất quá hạn 8,25%/năm đến khi trả hết nợ gốc (trừ khi Ngân hàng Nhà nước có Quyết định thay đổi với mức lãi suất của Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020). Số nợ lãi thì không phải chịu lãi suất cho đến khi thi hành án xong.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Xe máy V không trả Ngân hàng T tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên, thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản sau để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T gồm:

3.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 611479 do UBND quận H cấp ngày 13/12/2005 đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 20/7/2006 nhưng phải thanh toán trả lại cho người thế chấp giá trị xây dựng và các công trình trên đất.

3.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28/1F, tờ bản đồ số 1.2 lập 1956, địa chỉ: số 16, phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và đất số hồ sơ gốc 5895-NĐ do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999, đứng tên ông Tạ Việt T và bà Hồ Hoàng Y , đăng ký sang tên cho Ông Cù Việt T và Bà Ngô Thu H ngày 11/7/2006 nhưng phải thanh toán trả lại cho người thế chấp giá trị xây dựng và các công trình trên đất.

3.3. Đối với phần diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở mục 3.1 và 3.2 mà trên đó có một phần căn nhà đã bị phát mại thì người nhận nhà đất phát mại được tiếp tục quản lý sử dụng và phải chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà đất có thẩm quyền tại địa phương (hiện trạng đang là nhà 05 tầng).

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản tại mục 3.1 và 3.2 này là 87% nợ gốc và lãi.

3.4. Căn hộ chung cư địa chỉ: số 506 - nhà ĐN, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10123290941 do UBND quận H cấp ngày 01/12/2004, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Bùi Thị H , đã đăng ký sang tên cho ông Trần L và bà Trần Thị A ngày 21/11/2008, xác nhận thế chấp tại VPB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2628/2014 ngày 12/08/2014. Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 13% nợ gốc và lãi.

**4.** Những ai đang sinh sống, kinh doanh tại nơi có tài sản thế chấp dưới mọi hình thức phải chuyển dọn đi để đảm bảo việc thi hành án.

**5. Án phí kinh doanh thương mại:**

- Công ty cổ phần Xe máy V phải chịu 126.836.449 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng T phải chịu 60.212.891 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ 61.784.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 02024 ngày 15/6/2017 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; được trả lại 1.571.108 đồng.

- Hoàn trả Ông Cù Việt T và Bà Lưu Thị Việt N mỗi người 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3017 ngày 09/5/2019 và 3132 ngày 28/6/2019 (ông T) và số 3016 ngày 09/5/2019 và 3131 ngày 28/6/2019 (bà Nga) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản bản phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 12/5/2020.

**Nơi nhận:**

- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Minh Thành**